Ngưỡng yêu cầu điểm chứng chỉ quốc tế (SAT, ACT, A-LEVEL, AP, IB) năm 2022 (Diện 1.2 Xét tuyển theo Chứng chỉ quốc tế)

Thời gian: 18-05-2022

Ngưỡng yêu cầu điểm chứng chỉ quốc tế (SAT, ACT, A-LEVEL, AP, IB) năm 2022 (Diện 1.2 Xét tuyển theo Chứng chỉ quốc tế).

**Lưu ý:**

1. Kết quả XTTN của từng thí sinh sẽ có ở mục tra cứu trong tài khoản trên [**https://dangkytuyensinh.hust.edu.vn/**](https://dangkytuyensinh.hust.edu.vn/)

2. Đối với thí sinh diện 1.2 và 1.3:

- Thí sinh sẽ được chính thức trúng tuyển khi đáp ứng yêu cầu đỗ Tốt nghiệp và

- Đã đăng ký nguyện vọng tại cổng đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (thí sinh phải tự xác định thứ tự ưu tiên các nguyện vọng khi đăng ký trên Hệ thống chung của Bộ GD-ĐT, tùy thuộc thí sinh muốn được công nhận trúng tuyển nguyện vọng này hay muốn mở rộng cơ hội trúng tuyển nguyện vọng khác).

- Sau quá trình lọc ảo chung toàn quốc (và được công bố trúng tuyển), thí sinh xác nhận nhập học và nhập học theo hướng dẫn của trường.

- Nếu thí sinh đăng ký nguyện vọng 1 (NV1) trên cổng đăng ký tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, thí sinh sẽ CHẮC CHẮN TRÚNG TUYỂN bằng phương thức này.

Mã chương trình: IT1, IT-E10, Điểm chuẩn SAT (1,600): 1.520, Toán trên 770, Điểm chuẩn ACT (36): 33, Toán >= 34, Điểm chuẩn A-Level: Toán A\*, 2 môn còn lại A\*, Điểm chuẩn AP (5): Toán 5 ,2 môn còn lại 5(IT-E6, IT-E7, IT-E10, IT-E15), Điểm chuẩn IB (45): 45 Toán hoặc Khoa học (IT-E6, IT-E7, IT-E10, IT-E15)

Mã chương trình: IT2, IT-E6, IT-E7, IT-E15, EE2, Điểm chuẩn SAT (1,600): 1.460, Toán trên 770, , Điểm chuẩn ACT (36): 33, Toán >= 34, Điểm chuẩn A-Level: Toán A\*, 2 môn còn lại A\*, Điểm chuẩn AP (5): Toán 5 ,2 môn còn lại 5(IT-E6, IT-E7, IT-E10, IT-E15), Điểm chuẩn IB (45): 45 Toán hoặc Khoa học (IT-E6, IT-E7, IT-E10, IT-E15)

Mã chương trình: BF2, EE1, EE-E8, EE-E18, EE-EP, ET1, ET2, ET-E4, ET-E5, ET-E9, ET-E16, IT-EP, ME1, ME-E1, MI1, MI2, TE1, TE-E2, Điểm chuẩn SAT (1,600): 1.400, Toán trên 750, Điểm chuẩn ACT (36): 31, Toán >=32, Điểm chuẩn A-Level: Toán A\* 2 môn còn lại A, Điểm chuẩn AP (5): Toán 5 2 môn còn lại 4 học (EE-E8, EE-E18, EE-EP, ET-E4, ET-E5, ET-E9, ET-E16, IT-EP, ME1, ME-E1, TE-E2), Điểm chuẩn IB (45): 40 Toán hoặc Khoa học (EE-E8, EE-E18, EE-EP, ET-E4, ET-E5, ET-E9, ET-E16, IT-EP, ME1, ME-E1, TE-E2)

Mã chương trình: BF1, BF-E12, CH1, CH2, CH3, CH-E11, ED2, EV1, EV2, EM1, EM2, EM3, EM4, EM5, EM-E13, EM-E14, HE1, MS1, MS-E3, PH1, PH2, PH3, ME2, TE2, TE3, TE-EP, TX1, FL1, FL2, Điểm chuẩn SAT (1,600): 1.340 Toán trên 700, Điểm chuẩn ACT (36): 29 Toán >=30, Điểm chuẩn A-Level: Toán A 2 môn còn lại B (FL1, FL2 (tiếng Anh A)), Điểm chuẩn AP (5): Toán 4 2 môn còn lại 3 học (BF-E12, CH-E11, EM-E13, EM-E14, MS-E3, TE-EP), (FL1, FL2 (tiếng Anh A)) , Điểm chuẩn IB (45): 35 Toán hoặc Khoa học (BF-E12, CH-E11, EM-E13, EM-E14, MS-E3, TE-EP) (Cá nhân và xã hội) FL1, FL2 (Tiếng Anh)

Mã chương trình: ET-LUH, ME-GU, ME-NUT, ME-LUH, TROY-BA, TROY-IT, Điểm chuẩn SAT (1,600): 1.270 Toán trên 640 , Điểm chuẩn ACT (36): 25 Toán >=26, Điểm chuẩn A-Level: Toán B 2 môn còn lại B (trừ TROY-BA, TROY-IT), Điểm chuẩn AP (5): Toán 3 2 môn còn lại 3 (trừ TROY-BA, TROY-IT), Điểm chuẩn IB (45): 30 Toán hoặc Khoa học (trừ TROY-BA, TROY-IT)